TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 21/2021/DS-ST

Ngày: 31-12-2021

"Về tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Ân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bé.

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh, kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 2938/2021/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2021, về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2021/QĐ-HPT, ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Thạch Thị S**, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp O, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Chị **Sơn Thị A**, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp O, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 và bản tự khai ngày 20/5/2021 nguyên đơn bà Thạch Thị S trình bày: Bà có tham gia 02 phần hụi trong 02 dây hụi số 03 và số 04 do bà Sơn Thị A làm đầu thảo, loại hụi 5.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói hụi 04 tháng khui 01 lần (khui theo vụ lúa), ai kêu thăm cao sẽ hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 1.500.000 đồng, dây hụi khui lần đầu vào ngày 10/12/2015, mỗi dây hụi có 15 phần hụi. Trong các dây hụi bà A ghi tên bà trong danh sách hụi là "Mạnh Rum". Trong 02 dây hụi này đã mãn hụi vào tháng 10/2020 và bà là người hốt hụi chót nhưng bà A không giao tiền hụi. Trong dây hụi thứ 03 bà đã đóng 14 lần hụi cho bà A với số tiền vốn gốc là 38.130.000 đồng và dây hụi số 04 bà đã đóng 14 lần hụi cho bà A với số tiền vốn gốc là 36.030.000 đồng. Sau khi mãn hụi bà A có trả cho bà được số tiền là 25.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà A có trách nhiệm trả cho bà tổng số tiền vốn gốc mà bà đã đóng hụi là 49.160.000 đồng và không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn bà Sơn Thị A trình bày: Bà có làm đầu thảo 02 dây hụi số 03 và số 04 loại hụi 5.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói hụi 04 tháng khui 01 lần (khui theo vụ lúa), ai kêu thăm cao sẽ hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 1.500.000 đồng, dây hụi khui lần đầu vào ngày 10/12/2015, mỗi dây hụi có 15 phần hụi bà Thạch Thị S tham gia mỗi dây 01 phần hụi. Trong các dây hụi bà ghi tên bà S trong danh sách hụi là "Mạnh Rum". Trong 02 dây hụi này đã mãn hụi và bà S là người hốt hụi chót nhưng các hụi viên khác không đóng hụi nên bà không có tiền giao hụi. Trong dây hụi thứ 03 bà S đã đóng 14 lần hụi sống cho bà với số tiền vốn gốc là 38.130.000 đồng và dây hụi số 04 bà S cũng đã đóng 14 lần hụi sống cho bà với số tiền vốn gốc là 36.030.000 đồng. Sau khi mãn hụi bà có trả cho bà S được số tiền là 25.000.000 đồng.

Bà thừa nhận có nợ bà S số tiền đóng hụi sống là 49.160.000 đồng nhưng bà không đồng ý trả cho bà S. Khi nào bà khởi kiện các hụi viên khác trả cho bà thì bà mới đồng ý trả cho bà S, vì hiện tại bà không có tiền để trả nợ cho bà S.

***Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất*:**

Bà Sơn Thị A thừa nhận còn nợ bà Thạch Thị S đã đóng hụi sống đã đóng là 49.160.000 đồng (trong đó dây hụi số dây hụi số 03 là 38.130.000 đồng và dây hụi số 04 là 11.030.000 đồng).

Những vấn đề các đương sự không thống nhất:

Bà S yêu cầu bà A trả số tiền hụi còn nợ là 49.160.000 đồng

Bà A không đồng ý trả cho bà S số tiền còn nợ là 49.160.000 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng

các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa chấp đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm trước đây.

Về nội dung vụ án: Bà A thừa nhận có làm chủ đầu thảo và bà S có tham gia 02 dây hụi và còn nợ bà S 49.160.000 đồng như bà S khởi kiện nhưng bà A chưa đồng ý trả cho bà S đợi khi nào các hụi viên khác trả tiền hụi cho bà thì bà mới trả tiền cho bà S. bà A là chủ đầu thảo hụi có hưởng hoa hồng phải trả tiền hụi vốn mà các hụi viên đã đóng nhưng bà A không thực hiện nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên khi có yêu cầu mà yêu cầu đợi các hụi viên khác trả tiền hụi cho bà thì bà mới trả cho bà S là đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi đối với hụi viên còn sống, nên lời trình bày của bà về phương thức trả nợ là không có căn cứ, từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Sơn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị S số tiền là 49.160.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Các bên đều thừa nhận các dây hụi đang tranh chấp mở hụi kỳ đầu tiên vào ngày 10/12/2015 đến tháng 10/2020 thì mãn hụi (kết thúc giao dịch) cho đến khi Tòa án nhận đơn khởi của nguyên đơn là ngày 26/02/2021 thì theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn tranh chấp với bị đơn số tiền vốn gốc góp hụi là 49.160.000 đồng là có thật mặc dù các bên không có lập thành hợp đồng nhưng bị đơn có lập danh hụi và giao cho nguyên đơn giữ, khi thực hiện hợp đồng các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các bên thực hiện hợp đồng hoàn toàn tự nguyện, mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc các bên thực hiện hợp đồng hợp góp hụi bằng lời nói là phù hợp quy định tại Điều 119 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, do đó hợp đồng có hiệu lực đối với các bên. Các bên thực hiện hợp đồng trong một thời gian dài (từ ngày 10/12/2015 đến tháng 10/2020) thời điểm kết thúc giao dịch là năm 2020 do đó áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là phù hợp.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì tại các bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 20/5/2021 thì bà Sơn Thị A thừa nhận có làm đầu thảo 02 dây hụi số 03 và số 04 do bà Sơn Thị A làm đầu thảo, loại hụi 5.000.000 đồng, thỏa thuận lời nói hụi 04 tháng khui 01 lần (khui theo vụ lúa), ai kêu thăm cao sẽ hốt hụi, trừ hoa hồng đầu thảo là 1.500.000 đồng, dây hụi khui lần đầu vào ngày 10/12/2015, mỗi dây hụi có 15 phần hụi, 02 dây hụi này đã mãn hụi vào tháng 10/2020. Bà A thừa nhận còn nợ trong dây hụi số 03 là 38.130.000 đồng và dây hụi

số 04 là 11.030.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tình tiết không phải chứng chứng minh phù hợp với quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vì nguyên đơn bà S đưa ra yêu cầu và bị đơn bà A đã thừa nhận. Việc nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là thực hiện đúng quyền của hụi viên được quy định tại Điều 14 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chỉnh Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*". Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi hụi là 62.840.000 đồng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Đối ý kiến của bà A cho rằng bà không đồng ý trả nợ cho bà S với lý do các hụi viên khác không đóng tiền hụi cho bà nên bà không có tiền để trả bà S và khi nào bà khởi kiện Tòa án giải quyết xong thì bà mới đồng ý trả cho bà S. Theo quy định tại Điều 15, 16 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 và Điều 17, 18 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chỉnh Phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*" thì xét thấy yêu cầu của bà A là không có cơ sở chấp nhập, vì bà là người làm đầu thảo do đó bà phải có trách nhiệm nộp thay các phần hụi khi đến khì mở hụi mà các thành viên không góp hụi. Còn việc các hụi viên không góp hụi cho bà thì bà được quyền yêu cầu thành viên không góp phần hụi trả lại số tiền mà bà đã nộp thay cho thành viên đó.

[6] Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 244, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, 119, 429, 471 của Bộ Luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*".

Áp dụng Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định "*Về họ, hụi, biêu, phường*".

Áp dụng Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị S.

Buộc bà Sơn Thị A có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị S số tiền là 49.160.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*). Bà S không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi hụi là 62.840.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Sơn Thị A phải chịu 2.458.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hoàng Ân